

Số: 3704/BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2013

V/v tổng kết thực hiện Quy chế về
kinh doanh bán hàng miễn thuế

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại công văn số 1411/VPCP-KTTH ngày 20/02/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế. Tiếp theo tờ trình số 09/TTr-BTC ngày 24/01/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

1. Về phân tích, báo cáo rõ, đầy đủ về lợi, hại của việc bán hàng miễn thuế cho khách nhập cảnh và trên chuyến bay quốc tế đến Việt Nam:

Tại các điểm 1, 2, 3 phần II tờ trình số 09/TTr-BTC nêu trên đã tổng hợp, phân tích và báo cáo Thủ tướng Chính phủ sự cần thiết, lợi ích của việc bán hàng miễn thuế cho khách nhập cảnh và trên chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.

Khách nhập cảnh được mang theo tiêu chuẩn hành lý được quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01/7/2002 của Chính phủ; nên trong thực tế nếu được mua miễn thuế ở sân bay Việt Nam trước khi làm thủ tục nhập cảnh thì một bộ phận khách nhập cảnh sẽ mua ở Việt Nam, khi đó sẽ tạo doanh thu cho doanh nghiệp bán hàng miễn thuế ở sân bay; ngược lại, một bộ phận hành khách sẽ mua ở nước ngoài để mang vào Việt Nam; thực tế trước đây (năm 2008), theo báo cáo của cơ quan Hải quan, 123.148 khách nhập cảnh mua hàng miễn thuế tạo doanh thu 13 triệu USD; tạo việc làm cho 300 người; nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo chế độ quy định; trả chi phí thuê mặt bằng cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh cảng hàng không (bình quân 80 USD/m²) để doanh nghiệp đầu tư kinh doanh cảng hàng không có phần thu nhập để hoàn trả chi phí đầu tư sân bay bằng nguồn vốn vay ODA của Nhật Bản.

Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp không tuân thủ các quy định liên quan đến công tác quản lý đối với hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế hoặc công tác quản lý của các cơ quan liên quan không được chặt chẽ thì việc bán hàng miễn thuế cho đối tượng trên có khả năng có rủi ro lợi dụng thu mua gom hàng hóa để đầu cơ trục lợi, thâm lậu đưa hàng vào nội địa, gây thất thu cho Nhà nước. Do vậy, để đảm bảo vừa khuyến khích kinh doanh, vừa đảm bảo chống gian lận thương mại thực hiện quản lý chặt chẽ; đồng thời, tổ chức kiểm tra, thực hiện theo quy định.

2. Giải trình một số nội dung cụ thể:

2.1. Về địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế (chỉ ở sân bay, cửa khẩu; không có cửa hàng trong thành phố, thị xã, thị trấn...) và cách thức quản lý:

a. Tại khoản 2, Điều 2 dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng quy định địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế phục vụ cho khách nhập cảnh được đặt tại cửa khẩu quốc tế sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt (không có trong thành phố, thị xã, thị trấn...). Bởi vì đặt ở khu vực giám sát hải quan, khu vực cách ly có hàng rào cứng và có điều kiện quản lý giám sát hải quan. Đây cũng là giải pháp quan trọng để phòng chống gian lận về hải quan.

b. Về cách thức quản lý: Địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế nêu trên chỉ được đặt tại khu cách ly và trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan (đối với cửa khẩu quốc tế cảng biển, đường bộ, đường sắt, khu kinh tế cửa khẩu), không được đặt địa điểm ở khu vực làm thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh. Riêng đối với cửa khẩu quốc tế sân bay thì địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế phải đặt tại khu vực đảm bảo công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan Hải quan và đề nghị bổ sung quy định: Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với Tổng cục Hải quan để hướng dẫn, quy định vị trí bán hàng miễn thuế tại khu vực sân bay để đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh.

2.2. Về định lượng mua hàng miễn thuế (về giá trị và số lượng):

Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế theo định mức hành lý được miễn thuế ban hành kèm theo Quy định tại Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01/07/2002 của Chính phủ, cụ thể về định mức hành lý được miễn thuế của người nhập cảnh tại các cửa khẩu Việt Nam, bao gồm các mặt hàng: rượu, đồ uống có cồn, thuốc lá, chè, cà phê, quần áo, đồ dùng cá nhân và các vật phẩm khác (không nằm trong danh mục cấm nhập khẩu hoặc nhập khẩu có điều kiện) có trị giá không quá 5.000.000 đồng trong trường hợp người nhập cảnh chưa mua các mặt hàng trên ở nước ngoài mang về Việt Nam.

Căn cứ nội dung quy định trên, tại Điều 4 dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng đã quy định cụ thể *‘Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế theo định mức hành lý miễn thuế quy định tại Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01/07/2002 của Chính phủ’*.

Do vậy, căn cứ Điều 5, dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đề xuất sau khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định, Bộ Tài chính sẽ xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể về định lượng, mặt hàng theo quy định tại Nghị định số 66/2002/NĐ-CP nêu trên.

2.3. Các mặt hàng được bán tại cửa hàng miễn thuế gồm:

- Rượu, đồ uống có cồn.
- Thuốc lá, xì gà.
- Mỹ phẩm

- Hàng hóa khác, không bao gồm: đồ điện gia dụng như tủ lạnh, điều hòa, máy giặt, máy sấy phòng...

2.4. Phương thức mua, bán hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế (chỉ mua ngay khi xuống sân bay làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam, sau đó hết giá trị):

Tại điểm 1.2, khoản 1, Điều 2 dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng quy định địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan, do vậy nếu trường hợp khách nhập cảnh đã mua hàng miễn thuế hoặc không mua hàng miễn thuế và ra khỏi khu vực giám sát của Hải quan (bao gồm cả trường hợp khách nhập cảnh tại sân bay quốc tế) thì sẽ không được quay lại để mua hàng miễn thuế, tuy nhiên để đảm bảo chặt chẽ Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung nội dung điểm 5.1, khoản 2, Điều 3 dự thảo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

“5.1. Người nhập cảnh ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh được mua hàng miễn thuế ngay tại cửa khẩu nhập cảnh vào Việt Nam; không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan Hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh”.

3. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại công văn số 1411/VPCP-KTTH nêu trên, ngày 04/3/2013, Bộ Tài chính đã có công văn số 2769/BTC-TCHQ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại công văn số 1897/BTP-PLQT ngày 11/3/2013, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện nội dung dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ duyệt ký.

4. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Bộ Tài chính báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KS TTHC - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tư pháp, Công thương;
- Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Lưu: VT, TCHQ (8/).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Số: /2013/ QĐ - TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sửa đổi, bổ sung Điều 1, Điều 3, Điều 5, Điều 6 Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2013.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn Phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Số: /2013/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

QUY CHẾ

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế
về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số
24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2013/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)**

Điều 1. Sửa đổi khoản 4 và bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

1. Sửa đổi khoản 4:

“4. Đồng tiền dùng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế bao gồm:

- Đồng Việt Nam.

- Các đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đồng tiền của nước có chung biên giới ở các cửa hàng miễn thuế tại khu vực biên giới, khu vực kinh tế cửa khẩu”.

2. Bổ sung khoản 5:

“5. Việc nhập khẩu thuốc lá để kinh doanh bán hàng miễn thuế thực hiện theo giấy phép và hướng dẫn riêng của Bộ Công Thương.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 3 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Tại cửa khẩu quốc tế, Khu kinh tế cửa khẩu:

1.1. Tại cửa khẩu quốc tế sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt để phục vụ người xuất cảnh, quá cảnh (bao gồm cả người điều khiển và nhân viên phục vụ

trên phương tiện vận chuyển xuất cảnh, quá cảnh) thì địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế tại khu cách ly và trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan.

1.2. Tại cửa khẩu quốc tế sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt để phục vụ người nhập cảnh (không bao gồm cả người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận chuyển nhập cảnh) thì địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế ở trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan, không được bố trí địa điểm ở khu vực làm thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh; riêng đối với cửa khẩu quốc tế sân bay thì địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế phải đặt tại khu vực đảm bảo công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan Hải quan.

1.3. Tại Khu kinh tế cửa khẩu được thành lập và hoạt động theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ người xuất cảnh thì địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế phải đặt tại khu cách ly ở cửa khẩu và trong khu vực giám sát của cơ quan Hải quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3:

“3. Trên tàu bay thực hiện các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được bán hàng miễn thuế phục vụ khách xuất cảnh, nhập cảnh trên tàu bay”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 5 Điều 5 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Đối tượng mua hàng là hành khách trên tàu bay đang thực hiện các chuyến bay quốc tế của hãng hàng không được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay khi xuất cảnh, nhập cảnh”.

2. Bổ sung khoản 5:

“5. Đối tượng và điều kiện được mua hàng miễn thuế là người nhập cảnh:

5.1. Người nhập cảnh ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh được mua hàng miễn thuế ngay tại cửa khẩu nhập cảnh. không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực giám sát của cơ quan Hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh”.

5.2. Người nhập cảnh khi mua hàng miễn thuế phải xuất trình hộ chiếu có đóng dấu nhập cảnh, thẻ lên tàu bay – Boarding pass (đối với người nhập cảnh bằng đường hàng không). Cửa hàng miễn thuế phải sao chụp lưu một trong những chứng từ này”.

Điều 4. Bổ sung khoản 4, Điều 6 như sau:

“4. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế theo định mức hành lý miễn thuế quy định tại Nghị định số 66/2002/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định về định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế”.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng